

KẾ HOẠCH

Nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) trong ngành Kiểm sát nhân dân

Căn cứ Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Đề án số 292-ĐA/ĐĐQH15 ngày 20/10/2021 của Đảng đoàn Quốc hội về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

VKSND tối cao ban hành Kế hoạch nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) (BLTTHS) trong ngành Kiểm sát nhân dân (KSND) với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nghiên cứu, rà soát và sơ kết, đánh giá toàn diện thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS trong ngành KSND để xác định mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả thực tế của các quy định trong BLTTHS; xác định rõ các nội dung hạn chế, bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, kiến nghị cụ thể.

- Kết quả nghiên cứu, rà soát bảo đảm phục vụ hiệu quả, chất lượng cho việc xây dựng báo cáo nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Yêu cầu

- Nội dung nghiên cứu, rà soát và sơ kết phải sát thực, phản ánh đúng thực tế, bảo đảm khách quan, toàn diện gắn với yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ngành nói chung và trong từng chế định, từng giai đoạn tổ tụng nói riêng. Trong đó, việc đánh giá thực tiễn phải có số liệu dẫn chứng, có so sánh với các chỉ tiêu được giao; các nội dung về tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc phải được chỉ ra một cách rõ nét, ngắn gọn, có phân tích và ví dụ cụ thể; việc đánh giá nguyên nhân, phải chính xác, toàn diện; các kiến nghị, giải pháp đề xuất phải cụ thể, có trọng tâm, thiết thực, hiệu quả, khả thi...

- Việc nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS phải được tiến hành nghiêm túc, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, đúng tiến độ, đầy đủ nội dung theo Đề cương, Phụ lục kèm theo Kế hoạch này; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong ngành KSND.

- Xác định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, VKS trên cơ sở phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao; xác định tiến độ hoàn thành trong việc nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung và phân công

Các đơn vị, VKS thực hiện việc xây dựng báo cáo nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS bám sát các nội dung chính tại Đề cương, Phụ lục kèm theo Kế hoạch này. Phân công thực hiện cụ thể như sau:

1.1. Các đơn vị thuộc VKSND tối cao gồm: Văn phòng, Vụ 1, Vụ 2, Vụ 3, Vụ 4, Vụ 5, Vụ 6, Vụ 7, Vụ 8, Vụ 11, Vụ 12, Vụ 13, Vụ 15, Cục 1, Cục 2, Cục 3, T1, T2, T3, T4, T5 và các VKSND cấp cao: 1, 2, 3 tổ chức nghiên cứu, rà soát, sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS tại đơn vị mình, xây dựng báo cáo gửi về VKSND tối cao (qua Vụ 14). Ngoài việc nghiên cứu, rà soát, sơ kết thực tiễn thi hành toàn bộ các quy định của BLTTHS, báo cáo của các cơ quan, đơn vị cần tập trung vào các nội dung liên quan đến nhiệm vụ của đơn vị, VKS cấp mình; cụ thể:

(1) Vụ 1, Vụ 2, Vụ 3, Vụ 4, Vụ 5, Vụ 6: tập trung nội dung quy định tại Phần thứ nhất – Những quy định chung (từ Chương I đến Chương VIII); Phần thứ hai – Khởi tố, điều tra vụ án hình sự (từ Chương IX đến Chương XVII);

Phần thứ ba – Truy tố (Chương XVIII và Chương XIX); Phần thứ bảy – Thủ tục đặc biệt (từ Chương XXVIII đến Chương XXXIV); Phần thứ tám – Hợp tác quốc tế (Chương XXXV và Chương XXXVI).

(2) Cục 1: tập trung nội dung quy định tại Phần thứ nhất – Những quy định chung (từ Chương I đến Chương VIII); Phần thứ hai – Khởi tố, điều tra vụ án hình sự (từ Chương IX đến Chương XVII); Phần thứ bảy – Thủ tục đặc biệt (từ Chương XXVIII đến Chương XXXIV); Phần thứ tám – Hợp tác quốc tế (Chương XXXV và Chương XXXVI).

(3) Vụ 7 và các VKSND cấp cao 1, 2, 3: tập trung nội dung quy định tại Phần thứ nhất – Những quy định chung (từ Chương I đến Chương VIII); Phần thứ tư – Xét xử vụ án hình sự (từ Chương XX đến Chương XXII); Phần thứ năm – Một số quy định về thi hành bản án, quyết định của Tòa án (Chương XXIII và Chương XXIV); Phần thứ sáu – Xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật (từ Chương XXV đến Chương XXVII); Phần thứ bảy – Thủ tục đặc biệt (từ Chương XXVIII đến Chương XXXIV); Phần thứ tám – Hợp tác quốc tế (Chương XXXV và Chương XXXVI).

(4) Vụ 8: tập trung nội dung quy định về biện pháp tạm giữ, tạm giam tại Phần thứ nhất – Những quy định chung (Chương VII); Phần thứ năm – Một số quy định về thi hành bản án, quyết định của Tòa án (Chương XXIII và Chương XXIV) và Phần thứ tám – Hợp tác quốc tế (Chương XXXV và Chương XXXVI).

(5) Vụ 11: tập trung nội dung quy định liên quan đến thi hành phần dân sự trong vụ án hình sự, xóa án tích...

(6) Vụ 12: tập trung nội dung quy định về khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự tại Phần thứ bảy – Thủ tục đặc biệt (Chương XXXIII).

(7) Vụ 13: tập trung nội dung quy định tại Phần thứ tám – Hợp tác quốc tế (Chương XXXV và Chương XXXVI).

(8) Văn phòng: tập trung nội dung đánh giá tình hình triển khai thi hành BLTTHS (Phần I Đề cương kèm theo Kế hoạch này).

(9) Cục 2: tập trung nội dung về thống kê liên quan đến quy định của BLTTHS trong ngành KSND và thống kê liên ngành (số lượng, nội dung các chỉ tiêu thống kê, biểu mẫu thống kê (không bao gồm mẫu thủ tục tố tụng)).

(10) Vụ 15 và Cục 3: tập trung nội dung về công tác bảo đảm các điều kiện về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất cho việc thi hành BLTTHS tại mục I.4 Đề cương kèm theo Kế hoạch này.

(11) T1: tập trung nội dung về thanh tra hoạt động nghiệp vụ trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS.

(12) T2 và T3: tập trung nội dung về biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng theo các quy định mới của BLTTHS.

(13) T4 và T5: tập trung nội dung về công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của BLTTHS và việc triển khai thực hiện.

1.2. VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức nghiên cứu, rà soát, sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS ở VKSND cấp mình; chỉ đạo các VKSND cấp dưới thuộc phạm vi quản lý tổ chức nghiên cứu, rà soát, sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS; tổng hợp ý kiến của VKSND hai cấp, xây dựng báo cáo chung gửi về VKSND tối cao (qua Vụ 14) theo Đề cương và Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

1.3. Viện kiểm sát quân sự trung ương tổ chức nghiên cứu, rà soát, sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS tại Viện kiểm sát cấp mình, chỉ đạo Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu và tương đương, Viện kiểm sát khu vực tổ chức nghiên cứu, rà soát, sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS ở Viện kiểm sát quân sự cấp quân khu và tương đương, Viện kiểm sát khu vực; tổng hợp kết quả nghiên cứu, rà soát, xây dựng báo cáo nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS gửi về VKSND tối cao (qua Vụ 14).

2. Phạm vi nghiên cứu, rà soát và sơ kết

2.1. Phạm vi về thời gian: lấy số liệu đánh giá từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2022.

2.2. Phạm vi về không gian: trong toàn ngành KSND (bao gồm cả hệ thống Viện kiểm sát quân sự).

2.3. Phạm vi về đối tượng: nội dung quy định của BLTTHS, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành BLTTHS và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Các hoạt động nghiên cứu, rà soát, sơ kết

3.1. Tổ chức nghiên cứu, rà soát, đánh giá thực trạng quy định của BLTTHS; khảo sát, đánh giá thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3.2. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm,... về kết quả nghiên cứu, rà soát, sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS.

3.3. Tuyên truyền, phổ biến kết quả nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS.

3.4. Xây dựng báo cáo nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc VKSND tối cao, VKSND cấp cao, VKSND cấp tỉnh, Viện kiểm sát quân sự trung ương

- Tổ chức và xây dựng báo cáo nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS theo nội dung và cách thức nêu tại Phần II Kế hoạch này.

Thời hạn gửi báo cáo: báo cáo gửi về VKSND tối cao (qua Vụ 14); đồng thời gửi qua địa chỉ thư điện tử: vp_v14@vks.gov.vn **trước ngày 31/8/2023.**

- Phối hợp với Vụ 14 cung cấp thông tin, số liệu phục vụ việc xây dựng báo cáo của ngành KSND và báo cáo gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Trách nhiệm của Vụ 14

- Là đơn vị thường trực giúp Lãnh đạo VKSND tối cao triển khai Kế hoạch này. Cụ thể:

+ Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nội dung nghiên cứu, rà soát và sơ kết nêu trong Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm... về kết quả nghiên cứu, rà soát, sơ kết;

+ Chủ trì tổng hợp, xây dựng báo cáo chung về nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS của ngành KSND trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các đơn vị, Viện kiểm sát các cấp.

Thời hạn: trình dự thảo báo cáo nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS trong ngành KSND để Lãnh đạo VKSND tối cao xem xét, quyết định *trước ngày 30/10/2023*;

+ Chủ trì, phối hợp với Tạp chí kiểm sát, Báo Bảo vệ pháp luật, Cổng thông tin điện tử VKSND tối cao trong việc phổ biến, tuyên truyền kết quả nghiên cứu, rà soát, sơ kết.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành KSND xây dựng dự thảo báo cáo chung của liên ngành về nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS.

Thời hạn: trình dự thảo báo cáo chung của liên ngành về nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS để Lãnh đạo VKSND tối cao xem xét, quyết định; gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội *trước ngày 30/11/2024*.

3. Trách nhiệm của Văn phòng VKSND tối cao

Thực hiện công tác bảo đảm cơ sở vật chất; chủ trì, phối hợp với Vụ 14, Cục 3 lập dự toán kinh phí, bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho các hoạt động phục vụ Kế hoạch này.

Thời hạn: trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

4. Trách nhiệm của Vụ 13

- Hợp tác với các dự án quốc tế để bố trí nguồn kinh phí, hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, rà soát và sơ kết theo Kế hoạch này;

- Phối hợp với Vụ 14 trong việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm quốc tế phục vụ việc nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS, có sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ từ các dự án quốc tế.

Thời hạn: trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

5. Trách nhiệm của Cục 2

Hỗ trợ kỹ thuật cho Vụ 14 trong quá trình thực hiện Kế hoạch này.

6. Trách nhiệm của Cục 3

Cục 3 phối hợp Văn phòng bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch này đúng quy định của pháp luật và của ngành KSND.

7. Trách nhiệm của Tạp chí kiểm sát, Báo Bảo vệ pháp luật, Cổng thông tin điện tử VKSND tối cao

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về việc nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS theo Kế hoạch này.

- Xây dựng số tạp chí, báo, thông tin chuyên đề chuyên sâu; mở chuyên mục “Nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)” để kịp thời thu thập, đăng tải các tin bài, thông tin, tuyên truyền, phổ biến kết quả nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, VKS kịp thời phản ánh về VKSND tối cao (qua Vụ 14) để hướng dẫn, giải quyết.

(Kèm theo Kế hoạch này là Đề cương báo cáo và Phụ lục nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS trong ngành KSND)./

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSTC (thay báo cáo);
- Các đ/c Phó Viện trưởng VKSTC (để phối hợp chỉ đạo);
- VKS quân sự trung ương (để thực hiện);
- Các đơn vị thuộc VKSTC: Văn phòng, Vụ 1, Vụ 2, Vụ 3, Vụ 4, Vụ 5, Vụ 6, Vụ 7, Vụ 8, Vụ 11, Vụ 12, Vụ 13, Vụ 15, Cục 1, Cục 2, Cục 3, T1, T2, T3, T4, T5 (để thực hiện);
- VKSND cấp cao 1, 2, 3 (để thực hiện);
- Các VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các VKS quân sự quân khu và tương đương (để thực hiện);
- Lưu: VT, V14.

106. Tiến TG.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Huy Tiến

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) trong ngành Kiểm sát nhân dân (từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2022)

(Kèm theo Kế hoạch số 117/KH-VKSTC ngày 09/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THI HÀNH BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ

1. Công tác phổ biến, quán triệt, triển khai, tập huấn, rút kinh nghiệm trong quá trình áp dụng các quy định của BLTTHS

Các cơ quan, đơn vị nêu số lượng, nội dung tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, ... phổ biến, quán triệt, triển khai, tập huấn, rút kinh nghiệm (nêu ngắn gọn tại footnote thời gian, phạm vi); số lượng các thông báo rút kinh nghiệm và kết quả của các hoạt động này; từ đó đưa ra đánh giá chung.

2. Công tác ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành BLTTHS; công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển các quy định của BLTTHS; công tác hướng dẫn, giải đáp vướng mắc đối với các quy định của BLTTHS

2.1. VKS quân sự trung ương và các đơn vị thuộc VKSND tối cao

Nêu ngắn gọn nội dung, số lượng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành BLTTHS do cơ quan, đơn vị mình được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng hoặc phối hợp góp ý; việc thực hiện hoạt động rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật¹, pháp điển² các quy định của BLTTHS; số lượng các văn bản hướng dẫn, giải đáp vướng mắc đối với các quy định của BLTTHS (nội dung các vướng mắc cần được tổng hợp tại Phần III Đề cương này). Từ đó đưa ra đánh giá chung từng khâu công tác.

2.2. VKSND cấp cao: 1, 2, 3; VKSND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Nêu số lượng các văn bản hướng dẫn, giải đáp vướng mắc đối với các

¹ Rà soát văn bản là việc xem xét, đối chiếu, đánh giá các quy định của văn bản được rà soát với văn bản là căn cứ pháp lý để rà soát cũng như tình hình phát triển kinh tế - xã hội nhằm phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp. Hệ thống hóa văn bản là việc tập hợp, sắp xếp các văn bản đã được rà soát, xác định còn hiệu lực theo các tiêu chí sắp xếp văn bản theo quy định của pháp luật.

² Pháp điển là việc cơ quan nhà nước rà soát, tập hợp, sắp xếp các quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực trong các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành, trừ Hiến pháp, để xây dựng Bộ Pháp điển.

quy định của BLTTHS (nội dung các vướng mắc cần được tổng hợp tại Phần III Đề cương này). Từ đó đưa ra đánh giá chung.

3. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành việc triển khai thi hành các quy định của BLTTHS (theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, sơ kết...)

Các cơ quan, đơn vị nêu đầy đủ, ngắn gọn hình thức, nội dung và kết quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành việc triển khai thi hành các quy định của BLTTHS.

4. Công tác bảo đảm các điều kiện về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất cho việc thi hành BLTTHS

Các cơ quan, đơn vị đánh giá chung việc bảo đảm các điều kiện về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của BLTTHS.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TIỄN 05 NĂM THI HÀNH BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ

1. Kết quả thực hiện

Nêu kết quả đạt được và nguyên nhân của kết quả đạt được.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Xác định rõ ràng và đánh giá từng tồn tại, hạn chế thông qua dẫn chứng số liệu, phân tích số liệu, so sánh với các chỉ tiêu được giao....

2.2. Nguyên nhân³

Xác định nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan. Khi đánh giá nguyên nhân xuất phát từ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành BLTTHS thì cần nêu được các nội dung: (1) Trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; (2) Trong tổ chức tập huấn, hướng dẫn, rút kinh nghiệm trong quá trình áp dụng các quy định của BLTTHS; (3) Trong tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất; các điều kiện bảo đảm việc thi hành các quy định của BLTTHS như: số hóa hồ sơ; thực hiện ghi âm, ghi hình có âm thanh; các chế độ khác... (4) Trong mối quan hệ giữa các cơ quan, tổ chức; (5) Những khó khăn, vướng mắc khác (nếu có).

³ Nêu nguyên nhân của tồn tại, hạn chế ngoài nội dung được phân tích tại mục III.

III. RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1. Ưu điểm (tính phù hợp, khả thi, hiệu quả...)

2. Bất cập, vướng mắc trong các quy định của BLTTHS

Cần chỉ rõ bất cập, vướng mắc trong các quy định của BLTTHS, phân tích, đánh giá các nội dung bất cập, vướng mắc (nêu ngắn gọn) qua từng điều luật (sắp xếp điều luật theo thứ tự của BLTTHS), có ví dụ cụ thể, từ đó đánh giá mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả thực tế của các quy định trong BLTTHS đối với từng nội dung sau đây:

2.1. Những quy định của BLTTHS không phù hợp với thực tiễn (bao gồm cả việc chưa có quy định so với thực tiễn phát sinh), không khả thi

2.2. Những quy định của BLTTHS còn chưa cụ thể, chưa rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, chưa có văn bản hướng dẫn thi hành

2.3. Những quy định của BLTTHS còn mâu thuẫn, không thống nhất, chồng chéo (giữa các quy định của BLTTHS với nhau và giữa quy định của BLTTHS với các quy định pháp luật khác...)

2.4. Những quy định của BLTTHS chưa bảo đảm kỹ thuật trình bày

2.5. Những bất cập, vướng mắc khác

(Đồng thời, hoàn thành mẫu tại Phụ lục kèm theo Đề cương này)

IV. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự

1.1. Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của BLTTHS hoặc phải ban hành BLTTHS mới để thay thế

(1) Nêu rõ sửa đổi, bổ sung BLTTHS những quy định cụ thể nào, lý do.

(2) Trường hợp kiến nghị ban hành BLTTHS mới để có sửa đổi, bổ sung toàn diện, thay thế BLTTHS hiện hành thì phải nêu rõ lý do, căn cứ tại sao.

(Đồng thời, hoàn thành mẫu tại Phụ lục kèm theo Đề cương này)

1.2. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng Thông tư liên tịch quy định về việc phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng

1.3. Kiến nghị khác

Kiến nghị tại mục này phải phù hợp với những bất cập, vướng mắc nêu tại mục 2 Phần III Đề cương này.

2. Giải pháp, kiến nghị về việc thi hành BLTTHS

2.1. Giải pháp

2.2. Kiến nghị

Giải pháp, kiến nghị tại mục này phải trên cơ sở nguyên nhân của tồn tại, hạn chế tại mục 2 Phần II Đề cương này.

PHỤ LỤC

Điều	Bất cập, vướng mắc	Kiến nghị, đề xuất
1. Những quy định của BLTTHS không phù hợp với thực tiễn (bao gồm cả việc chưa có quy định so với thực tiễn phát sinh), không khả thi		
1	(1)	(1)
2. Những quy định của BLTTHS còn chưa cụ thể, chưa rõ ràng, có nhiều cách hiểu khác nhau, chưa có văn bản hướng dẫn thi hành		
1	(1)	(2)
3. Những quy định của BLTTHS còn mâu thuẫn, không thống nhất, chòng chẹo (giữa các quy định của BLTTHS với nhau và giữa quy định của BLTTHS với các quy định pháp luật khác...)		
1	(1)	(2)
4. Những quy định của BLTTHS chưa bảo đảm kỹ thuật trình bày		
1	(1)	(2)
5. Những bất cập, vướng mắc khác		
1	(1)	(2)

